

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Đức và ông Nguyễn Ngọc Phan.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tấn Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Tấn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L1 được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện Tứ Kỳ tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/10/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại gia đình chị thôn H, xã P, huyện Tứ Kỳ. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, cuộc sống không hoà hợp, anh L1 chơi bời trai gái không quan tâm đến chị. Vợ chồng sống ly thân nhau hơn một năm nay, không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn L1 trình bày: Anh với chị Tấn Thị L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2020, được UBND xã P đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng sống ly thân 01 năm nay không quan tâm đến nhau. Anh xét thấy không thể hàn gắn được tình cảm với chị L, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị L xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương xã P, huyện Tứ Kỳ cung cấp: Anh Nguyễn Văn L1 và chị Tấn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tứ Kỳ vào ngày 28/10/2020 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương; cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không rõ, anh L1 đã bỏ đi thỉnh thoảng mới về, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2022 đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh L1, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để anh chị sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: Anh chị không có con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tấn Thị L, xử cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L1. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Tấn Thị L khởi kiện ly hôn bị đơn anh Nguyễn Văn L1, trú tại thôn H, xã P, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1

Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho các đương sự; nguyên đơn chị Tấn Thị L, bị đơn anh Nguyễn Văn L1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/10/2020 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L xác định do quan điểm sống bất đồng, cuộc sống không hoà hợp, anh L1 chơi bời trai gái không quan tâm đến chị. Vợ chồng sống ly thân nhau hơn một năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh L1. Anh L1 xác định vợ chồng không còn tình cảm nay chị L xin ly hôn thì anh nhất trí ly hôn. Như vậy, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai anh chị đã chấm dứt, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị được ly hôn anh L1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tấn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Tấn Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

2. Về án phí: Chị Tấn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0005581 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã P, huyện Tứ Kỳ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi